



LỊCH THI HỌC KỲ 1 (ĐỢT 2) - NĂM HỌC 2025-2026
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
1	Tiếng Anh chuyên ngành ĐT-VT	010100027701	18ĐHĐT01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm (phiếu trả lời)	4	1	B001	7:30	2	08/12/2025			Nghe	Thi 4 kỹ năng - ghép phòng
2	Tiếng Anh chuyên ngành ĐT-VT	010100027701	18ĐHĐT01	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	4	1	B001	9:30	2	08/12/2025			Viết	Thi 4 kỹ năng - ghép phòng
3	Tiếng Anh chuyên ngành ĐT-VT	010100027701	18ĐHĐT01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	4	1	B001	12:30	2	08/12/2025			Nói	Thi 4 kỹ năng - ghép phòng
4	Tiếng Anh chuyên ngành ĐT-VT	010100027701	18ĐHĐT01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	4	1	A113A	14:30	2	08/12/2025			Đọc	Thi 4 kỹ năng - ghép phòng
5	Nghe - Nói 4	010100092501	24ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G601	7:30	2	08/12/2025	1	1-11		
6	Nghe - Nói 4	010100092501	24ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G602	7:30	2	08/12/2025	2	12-22		
7	Nghe - Nói 4	010100092501	24ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G603	7:30	2	08/12/2025	3	23-33		
8	Nghe - Nói 4	010100092501	24ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G604	7:30	2	08/12/2025	4	34-45		
9	Nghe - Nói 4	010100092502	24ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	47	G601	9:30	2	08/12/2025	1	1-11		
10	Nghe - Nói 4	010100092502	24ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	47	G602	9:30	2	08/12/2025	2	12-22		
11	Nghe - Nói 4	010100092502	24ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	47	G603	9:30	2	08/12/2025	3	23-33		
12	Nghe - Nói 4	010100092502	24ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	47	G604	9:30	2	08/12/2025	4	34-47		
13	Nghe - Nói 4	010100092503	24ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G601	12:30	2	08/12/2025	1	1-11		
14	Nghe - Nói 4	010100092503	24ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G602	12:30	2	08/12/2025	2	12-22		
15	Nghe - Nói 4	010100092503	24ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G603	12:30	2	08/12/2025	3	23-33		
16	Nghe - Nói 4	010100092503	24ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G604	12:30	2	08/12/2025	4	34-45		
17	Nghe - Nói 4	010100092504	24ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	G601	14:30	2	08/12/2025	1	1-11		
18	Nghe - Nói 4	010100092504	24ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	G602	14:30	2	08/12/2025	2	12-22		
19	Nghe - Nói 4	010100092504	24ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	G603	14:30	2	08/12/2025	3	23-33		
20	Nghe - Nói 4	010100092504	24ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	G604	14:30	2	08/12/2025	4	34-44		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
21	Nghe - Nói 4	010100092505	24ĐHNATM5	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G601	16:30	2	08/12/2025	1	1-11		
22	Nghe - Nói 4	010100092505	24ĐHNATM5	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G602	16:30	2	08/12/2025	2	12-22		
23	Nghe - Nói 4	010100092505	24ĐHNATM5	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G603	16:30	2	08/12/2025	3	23-33		
24	Nghe - Nói 4	010100092505	24ĐHNATM5	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G604	16:30	2	08/12/2025	4	34-45		
25	Nghe - Nói 4	010100092506	24ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G601	18:30	2	08/12/2025	1	1-11		
26	Nghe - Nói 4	010100092506	24ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G602	18:30	2	08/12/2025	2	12-22		
27	Nghe - Nói 4	010100092506	24ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G603	18:30	2	08/12/2025	3	23-33		
28	Nghe - Nói 4	010100092506	24ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G604	18:30	2	08/12/2025	4	34-45		
29	Phân tích định lượng trong quản trị	010100118501	24ĐHNL01	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	60	G202	12:30	2	08/12/2025	1	1-30		
30	Phân tích định lượng trong quản trị	010100118501	24ĐHNL01	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	60	G307	12:30	2	08/12/2025	2	31-60		
31	Phân tích định lượng trong quản trị	010100118502	24ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	62	G207	12:30	2	08/12/2025	1	1-31		
32	Phân tích định lượng trong quản trị	010100118502	24ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	62	G308	12:30	2	08/12/2025	2	32-62		
33	Phân tích định lượng trong quản trị	010100118503	24ĐHNL03	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	60	G301	12:30	2	08/12/2025	1	1-30		
34	Phân tích định lượng trong quản trị	010100118503	24ĐHNL03	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	60	G302	12:30	2	08/12/2025	2	31-60		
35	Phân tích định lượng trong quản trị	010100118504	24ĐHNL04	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	51	G113	14:30	2	08/12/2025				
36	Phân tích định lượng trong quản trị	010100118505	24ĐHNL05	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	56	G201	14:30	2	08/12/2025	1	1-28		
37	Phân tích định lượng trong quản trị	010100118505	24ĐHNL05	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	56	G202	14:30	2	08/12/2025	2	29-56		
38	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	010100123702	24ĐHDLLH1; 24ĐHDLLH2	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	55	G205	16:30	2	08/12/2025				
39	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	010100123703	24ĐHDLLH3	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	68	G203	16:30	2	08/12/2025	1	1-34		
40	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	010100123703	24ĐHDLLH3	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	68	G204	16:30	2	08/12/2025	2	35-68		
41	Tourism and Travel Management	010100155601	24ĐAQT01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	42	G113	16:30	2	08/12/2025				
42	Giao dịch thương mại quốc tế	010100162801	24ĐHKVLQ1	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	50	G305	7:30	2	08/12/2025				
43	Giao dịch thương mại quốc tế	010100162802	24ĐHKVLQ2	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	50	G406	7:30	2	08/12/2025				
44	Giao dịch thương mại quốc tế	010100162803	24ĐHKVLQ3	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	31	G202	7:30	2	08/12/2025				

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
45	Giao dịch thương mại quốc tế	010100162804	24ĐHKVLĐ	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	50	G301	7:30	2	08/12/2025	1	1-25		
46	Giao dịch thương mại quốc tế	010100162804	24ĐHKVLĐ	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	50	G302	7:30	2	08/12/2025	2	26-50		
47	Vận trù học	010100171902	24ĐHKVLQ2	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	55	G305	18:30	2	08/12/2025				
48	Vận trù học	010100171903	24ĐHKVLQ3	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	52	G205	18:30	2	08/12/2025				
49	Vận trù học	010100171904	24ĐHKVLĐ	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	50	G113	18:30	2	08/12/2025				
50	Air Cargo Management (KTHK)	010100175501	24ĐAKV01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	49	G305	9:30	2	08/12/2025				
51	Hàng hóa nguy hiểm	010100193001	24ĐHQTAN	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	24	G201	9:30	2	08/12/2025				
52	Đọc - Viết B1.1	010171100601	25ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	44	G113	7:30	2	08/12/2025				
53	Đọc - Viết B1.1	010171100602	25ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	45	G203	7:30	2	08/12/2025				
54	Đọc - Viết B1.1	010171100603	25ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	42	G204	7:30	2	08/12/2025				
55	Đọc - Viết B1.1	010171100604	25ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	42	G303	7:30	2	08/12/2025				
56	Đọc - Viết B1.1	010171100605	25ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	42	G304	7:30	2	08/12/2025				
57	Đọc - Viết B1.1	010171100606	25ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	44	G205	7:30	2	08/12/2025				
58	Đọc - Viết B1.1	010171100607	25ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	42	G303	12:30	2	08/12/2025				
59	Đọc - Viết B1.1	010171100608	25ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	44	G113	9:30	2	08/12/2025				
60	Đọc - Viết B1.1	010171100609	25ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	44	G203	9:30	2	08/12/2025				
61	Đọc - Viết B1.1	010171100610	25ĐHNA10	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	42	G304	12:30	2	08/12/2025				
62	Đọc - Viết B1.1	010171100611	25ĐHNA11	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	43	G204	9:30	2	08/12/2025				
63	Đọc - Viết B1.1	010171100612	25ĐHNA01; 25ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	45	G303	9:30	2	08/12/2025				
64	Đọc - Viết B1.1	010171100613	25ĐHNA03; 25ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	44	G205	12:30	2	08/12/2025				
65	Đọc - Viết B1.1	010171100614	25ĐHNA05; 25ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	43	G304	9:30	2	08/12/2025				
66	Đọc - Viết B1.1	010171100615	25ĐHNA07; 25ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	44	G205	9:30	2	08/12/2025				
67	Đọc - Viết B1.1	010171100616	25ĐHNA09; 25ĐHNA10	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	43	G113	12:30	2	08/12/2025				
68	Đọc - Viết B1.1	010171100617	25ĐHNA11; 25ĐHNA12	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	43	G203	12:30	2	08/12/2025				

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
69	Đọc - Viết B1.1	010171100618	25ĐHNA12	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	43	G204	12:30	2	08/12/2025				
70	Angten truyền sóng	011100020001	23ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	36	G408	9:30	2	08/12/2025				
71	Chuyên đề quản lý hoạt động bay	011100029502	22ĐHKL02	Khoa Khai thác hàng không	Báo cáo	2	61	D31	7:30	2	08/12/2025	1	1-14		Danh sách khoa đề xuất
72	Chuyên đề quản lý hoạt động bay	011100029502	22ĐHKL02	Khoa Khai thác hàng không	Báo cáo	2	61	D31	9:30	2	08/12/2025	2	15-28		Danh sách khoa đề xuất
73	Chuyên đề quản lý hoạt động bay	011100029502	22ĐHKL02	Khoa Khai thác hàng không	Báo cáo	2	61	D31	12:30	2	08/12/2025	3	29-40		Danh sách khoa đề xuất
74	Chuyên đề quản lý hoạt động bay	011100029502	22ĐHKL02	Khoa Khai thác hàng không	Báo cáo	2	61	D31	14:30	2	08/12/2025	4	41-53		Danh sách khoa đề xuất
75	Chuyên đề quản lý hoạt động bay	011100029502	22ĐHKL02	Khoa Khai thác hàng không	Báo cáo	2	61	D31	16:30	2	08/12/2025	5	54-61		Danh sách khoa đề xuất
76	Khí động học 1	011100105501	24ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	62	G608	9:30	2	08/12/2025	1	1-31		
77	Khí động học 1	011100105501	24ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	62	G407	9:30	2	08/12/2025	2	32-62		
78	Khí động học 1	011100105502	24ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	74	G406	9:30	2	08/12/2025	1	1-50		
79	Khí động học 1	011100105502	24ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	74	G609	9:30	2	08/12/2025	2	51-74		
80	Khí động học 1	011100105503	24ĐHKT03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	62	G207	9:30	2	08/12/2025	1	1-31		
81	Khí động học 1	011100105503	24ĐHKT03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	62	G308	9:30	2	08/12/2025	2	32-62		
82	Thiết kế kết cấu nhà bê tông cốt thép	011100129901	24ĐHXD01	Khoa Xây dựng	Tự luận	3	40	G305	12:30	2	08/12/2025				
83	Thiết kế kết cấu nhà bê tông cốt thép	011100129902	24ĐHXD02	Khoa Xây dựng	Tự luận	3	28	G201	12:30	2	08/12/2025				
84	Aerodynamics 1	011100185801	24ĐAKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	30	G201	7:30	2	08/12/2025				
85	Thương mại điện tử	010100070801	24ĐHKVC1	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	65	G113	16:30	3	09/12/2025	1	1-32		
86	Thương mại điện tử	010100070801	24ĐHKVC1	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	65	G204	16:30	3	09/12/2025	2	33-65		
87	Thương mại điện tử	010100070802	24ĐHKVC2	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	85	G201	16:30	3	09/12/2025	1	1-28		
88	Thương mại điện tử	010100070802	24ĐHKVC2	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	85	G202	16:30	3	09/12/2025	2	29-56		
89	Thương mại điện tử	010100070802	24ĐHKVC2	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	85	G203	16:30	3	09/12/2025	3	57-85		
90	Đọc - Viết 4	010100093001	24ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	45	G113	9:30	3	09/12/2025				
91	Đọc - Viết 4	010100093002	24ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	43	G203	9:30	3	09/12/2025				
92	Đọc - Viết 4	010100093003	24ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	44	G204	9:30	3	09/12/2025				

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
93	Đọc - Viết 4	010100093004	24ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	42	G303	9:30	3	09/12/2025				
94	Đọc - Viết 4	010100093005	24ĐHNATM5	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	44	G304	9:30	3	09/12/2025				
95	Đọc - Viết 4	010100093006	24ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	43	G205	9:30	3	09/12/2025				
96	Đọc - Viết 4	010100093007	24ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	41	G113	12:30	3	09/12/2025				
97	Đọc - Viết 4	010100093008	24ĐHNAHK3	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	45	G203	12:30	3	09/12/2025				
98	Đọc - Viết 4	010100093009	24ĐHNAHK4	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	45	G204	12:30	3	09/12/2025				
99	Đọc - Viết 4	010100093010	24ĐHNAHK3	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	42	G303	12:30	3	09/12/2025				
100	Đọc - Viết 4	010100093011	24ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	39	G304	12:30	3	09/12/2025				
101	Đọc - Viết 4	010100093012	24ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	43	G205	12:30	3	09/12/2025				
102	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 4	010100146401	23ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	35	G207	12:30	3	09/12/2025				
103	Creativity and Innovation Management	010100153602	24ĐAQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	40	G204	7:30	3	09/12/2025				
104	Introduction to Freight Forwarding	010100159901	24ĐAKV01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	62	G207	14:30	3	09/12/2025	1	1-31		
105	Introduction to Freight Forwarding	010100159901	24ĐAKV01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	62	G308	14:30	3	09/12/2025	2	32-62		
106	Vận tải và bảo hiểm	010100163401	24ĐHKQ01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	69	G304	14:30	3	09/12/2025	1	1-34		
107	Vận tải và bảo hiểm	010100163401	24ĐHKQ01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	69	G305	14:30	3	09/12/2025	2	35-69		
108	Vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không	010100169901	24ĐHKVLQ1	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	45	G204	14:30	3	09/12/2025				
109	Vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không	010100169902	24ĐHKVLQ2	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	50	G303	14:30	3	09/12/2025				
110	Vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không	010100169903	24ĐHKVLQ3	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	39	G203	14:30	3	09/12/2025				
111	Vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không	010100169904	24ĐHKVLĐ	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	50	G205	14:30	3	09/12/2025				
112	Dangerous Goods	010100174901	24ĐAKV01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	60	G201	7:30	3	09/12/2025	1	1-30		
113	Dangerous Goods	010100174901	24ĐAKV01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	60	G202	7:30	3	09/12/2025	2	31-60		
114	Tạo dựng hình ảnh chuyên nghiệp	010100189101	24ĐHDLC1	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	52	G205	18:30	3	09/12/2025				
115	Tạo dựng hình ảnh chuyên nghiệp	010100189102	24ĐHDLC2	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	50	G113	18:30	3	09/12/2025				
116	Tạo dựng hình ảnh chuyên nghiệp	010100189103	24ĐHDLC3	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	56	G305	18:30	3	09/12/2025				

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
117	Tạo dựng hình ảnh chuyên nghiệp	010100189104	24ĐHLC4	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	56	G406	18:30	3	09/12/2025				
118	Nghe - Nói B1.1	010171100101	25ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	G601	7:30	3	09/12/2025	1	1-11		
119	Nghe - Nói B1.1	010171100101	25ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	G602	7:30	3	09/12/2025	2	12-22		
120	Nghe - Nói B1.1	010171100101	25ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	G603	7:30	3	09/12/2025	3	23-33		
121	Nghe - Nói B1.1	010171100101	25ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	G604	7:30	3	09/12/2025	4	34-44		
122	Nghe - Nói B1.1	010171100102	25ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G601	9:30	3	09/12/2025	1	1-11		
123	Nghe - Nói B1.1	010171100102	25ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G602	9:30	3	09/12/2025	2	12-22		
124	Nghe - Nói B1.1	010171100102	25ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G603	9:30	3	09/12/2025	3	23-33		
125	Nghe - Nói B1.1	010171100102	25ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G604	9:30	3	09/12/2025	4	34-45		
126	Nghe - Nói B1.1	010171100103	25ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G601	12:30	3	09/12/2025	1	1-10		
127	Nghe - Nói B1.1	010171100103	25ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G602	12:30	3	09/12/2025	2	11-20		
128	Nghe - Nói B1.1	010171100103	25ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G603	12:30	3	09/12/2025	3	21-30		
129	Nghe - Nói B1.1	010171100103	25ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G604	12:30	3	09/12/2025	4	31-42		
130	Nghe - Nói B1.1	010171100104	25ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G601	14:30	3	09/12/2025	1	1-10		
131	Nghe - Nói B1.1	010171100104	25ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G602	14:30	3	09/12/2025	2	11-20		
132	Nghe - Nói B1.1	010171100104	25ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G603	14:30	3	09/12/2025	3	21-30		
133	Nghe - Nói B1.1	010171100104	25ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G604	14:30	3	09/12/2025	4	31-42		
134	Nghe - Nói B1.1	010171100105	25ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G601	16:30	3	09/12/2025	1	1-10		
135	Nghe - Nói B1.1	010171100105	25ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G602	16:30	3	09/12/2025	2	11-20		
136	Nghe - Nói B1.1	010171100105	25ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G603	16:30	3	09/12/2025	3	21-30		
137	Nghe - Nói B1.1	010171100105	25ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G604	16:30	3	09/12/2025	4	31-41		
138	Nghe - Nói B1.1	010171100106	25ĐHNA05; 25ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G601	18:30	3	09/12/2025	1	1-10		
139	Nghe - Nói B1.1	010171100106	25ĐHNA05; 25ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G602	18:30	3	09/12/2025	2	11-20		
140	Nghe - Nói B1.1	010171100106	25ĐHNA05; 25ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G603	18:30	3	09/12/2025	3	21-30		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
141	Nghe - Nói B1.1	010171100106	25ĐHNA05; 25ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G604	18:30	3	09/12/2025	4	31-42		
142	Cơ sở điều khiển tự động	011100014801	24ĐHKT01	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	62	G308	9:30	3	09/12/2025	1	1-31		
143	Cơ sở điều khiển tự động	011100014801	24ĐHKT01	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	62	G207	9:30	3	09/12/2025	2	32-62		
144	Cơ sở điều khiển tự động	011100014802	24ĐHKT02	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	62	G407	9:30	3	09/12/2025	1	1-31		
145	Cơ sở điều khiển tự động	011100014802	24ĐHKT02	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	62	G408	9:30	3	09/12/2025	2	32-62		
146	Cơ sở điều khiển tự động	011100014803	24ĐHKT03	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	58	G305	9:30	3	09/12/2025				
147	Chuyên đề quản lý hoạt động bay	011100029501	22ĐHKL01	Khoa Khai thác hàng không	Báo cáo	2	36	D31	7:30	3	09/12/2025	1	1-10		Danh sách khoa đề xuất
148	Chuyên đề quản lý hoạt động bay	011100029501	22ĐHKL01	Khoa Khai thác hàng không	Báo cáo	2	36	D31	9:30	3	09/12/2025	2	11-22		Danh sách khoa đề xuất
149	Chuyên đề quản lý hoạt động bay	011100029501	22ĐHKL01	Khoa Khai thác hàng không	Báo cáo	2	36	D31	12:30	3	09/12/2025	3	23-36		Danh sách khoa đề xuất
150	Aviation Meteorology	011100179101	24ĐAKL01	Khoa Khai thác hàng không	Tự luận	3	49	G305	12:30	3	09/12/2025				
151	Thermal Engineering	011100183901	24ĐAKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	34	G113	14:30	3	09/12/2025				
152	Fundamentals of Automatic Control	011100185201	24ĐAKT01	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	34	G113	7:30	3	09/12/2025				
153	Sức bền vật liệu	011100193501	24ĐHKT01	Khoa Xây dựng	Tự luận	3	68	G205	16:30	3	09/12/2025	1	1-34		
154	Sức bền vật liệu	011100193501	24ĐHKT01	Khoa Xây dựng	Tự luận	3	68	G303	16:30	3	09/12/2025	2	35-68		
155	Sức bền vật liệu	011100193502	24ĐHKT02	Khoa Xây dựng	Tự luận	3	68	G304	16:30	3	09/12/2025	1	1-34		
156	Sức bền vật liệu	011100193502	24ĐHKT02	Khoa Xây dựng	Tự luận	3	68	G207	16:30	3	09/12/2025	2	35-68		
157	Sức bền vật liệu	011100193503	24ĐHKT03	Khoa Xây dựng	Tự luận	3	64	G305	16:30	3	09/12/2025	1	1-32		
158	Sức bền vật liệu	011100193503	24ĐHKT03	Khoa Xây dựng	Tự luận	3	64	G406	16:30	3	09/12/2025	2	33-64		
159	Kinh tế xây dựng	011100199501	24ĐHXD01	Khoa Xây dựng	Tự luận	3	39	G203	7:30	3	09/12/2025				
160	Kinh tế xây dựng	011100199502	24ĐHXD02	Khoa Xây dựng	Tự luận	3	43	G205	7:30	3	09/12/2025				
161	Quản trị cơ sở lưu trú du lịch - khách sạn	010100123001	24ĐHDLLH1	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	56	G201	14:30	4	10/12/2025	1	1-28		
162	Quản trị cơ sở lưu trú du lịch - khách sạn	010100123001	24ĐHDLLH1	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	56	G202	14:30	4	10/12/2025	2	29-56		
163	Quản trị cơ sở lưu trú du lịch - khách sạn	010100123002	24ĐHDLLH2	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	60	G301	14:30	4	10/12/2025	1	1-30		
164	Quản trị cơ sở lưu trú du lịch - khách sạn	010100123002	24ĐHDLLH2	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	60	G302	14:30	4	10/12/2025	2	31-60		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
165	Quản trị cơ sở lưu trú du lịch - khách sạn	010100123004	24ĐHDLKN	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	63	G113	14:30	4	10/12/2025	1	1-31		
166	Quản trị cơ sở lưu trú du lịch - khách sạn	010100123004	24ĐHDLKN	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	63	G203	14:30	4	10/12/2025	2	32-63		
167	Quản trị kinh doanh lữ hành	010100123402	24ĐHDLLH1; 24ĐHDLLH2	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	64	G113	16:30	4	10/12/2025	1	1-32		
168	Quản trị kinh doanh lữ hành	010100123402	24ĐHDLLH1; 24ĐHDLLH2	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	64	G201	16:30	4	10/12/2025	2	33-64		
169	Quản trị kinh doanh lữ hành	010100123403	24ĐHDLLH3	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	64	G203	16:30	4	10/12/2025	1	1-32		
170	Quản trị kinh doanh lữ hành	010100123403	24ĐHDLLH3	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	64	G204	16:30	4	10/12/2025	2	33-64		
171	Quản trị kinh doanh lữ hành	010100123404	24ĐHDLKN	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	64	G303	16:30	4	10/12/2025	1	1-32		
172	Quản trị kinh doanh lữ hành	010100123404	24ĐHDLKN	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	64	G304	16:30	4	10/12/2025	2	33-64		
173	Quản trị kinh doanh lữ hành	010100123405	24ĐHDLC1	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	62	G113	18:30	4	10/12/2025	1	1-31		
174	Quản trị kinh doanh lữ hành	010100123405	24ĐHDLC1	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	62	G201	18:30	4	10/12/2025	2	32-62		
175	Quản trị kinh doanh lữ hành	010100123406	24ĐHDLC2	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	64	G202	18:30	4	10/12/2025	1	1-32		
176	Quản trị kinh doanh lữ hành	010100123406	24ĐHDLC2	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	64	G204	18:30	4	10/12/2025	2	33-64		
177	Quản trị kinh doanh lữ hành	010100123407	24ĐHDLC3	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	59	G301	18:30	4	10/12/2025	1	1-29		
178	Quản trị kinh doanh lữ hành	010100123407	24ĐHDLC3	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	59	G203	18:30	4	10/12/2025	2	30-59		
179	Quản trị xuất nhập khẩu	010100163201	24ĐHKQ01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	67	G204	14:30	4	10/12/2025	1	1-33		
180	Quản trị xuất nhập khẩu	010100163201	24ĐHKQ01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	67	G207	14:30	4	10/12/2025	2	34-67		
181	Quản trị dịch vụ ăn uống	010100166301	24ĐHDLKN	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	48	G113	9:30	4	10/12/2025				
182	International Trade Transactions	010100199701	24ĐAKV01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	50	G203	9:30	4	10/12/2025				
183	Nghe - Nói B1.1	010171100107	25ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G601	7:30	4	10/12/2025	1	1-10		
184	Nghe - Nói B1.1	010171100107	25ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G602	7:30	4	10/12/2025	2	11-20		
185	Nghe - Nói B1.1	010171100107	25ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G603	7:30	4	10/12/2025	3	21-30		
186	Nghe - Nói B1.1	010171100107	25ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G604	7:30	4	10/12/2025	4	31-43		
187	Nghe - Nói B1.1	010171100108	25ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G601	9:30	4	10/12/2025	1	1-10		
188	Nghe - Nói B1.1	010171100108	25ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G602	9:30	4	10/12/2025	2	11-20		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
189	Nghe - Nói B1.1	010171100108	25ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G603	9:30	4	10/12/2025	3	21-30		
190	Nghe - Nói B1.1	010171100108	25ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G604	9:30	4	10/12/2025	4	31-40		
191	Nghe - Nói B1.1	010171100109	25ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G601	12:30	4	10/12/2025	1	1-10		
192	Nghe - Nói B1.1	010171100109	25ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G602	12:30	4	10/12/2025	2	11-20		
193	Nghe - Nói B1.1	010171100109	25ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G603	12:30	4	10/12/2025	3	21-30		
194	Nghe - Nói B1.1	010171100109	25ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G604	12:30	4	10/12/2025	4	31-43		
195	Nghe - Nói B1.1	010171100110	25ĐHNA10	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G601	14:30	4	10/12/2025	1	1-10		
196	Nghe - Nói B1.1	010171100110	25ĐHNA10	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G602	14:30	4	10/12/2025	2	11-20		
197	Nghe - Nói B1.1	010171100110	25ĐHNA10	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G603	14:30	4	10/12/2025	3	21-30		
198	Nghe - Nói B1.1	010171100110	25ĐHNA10	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G604	14:30	4	10/12/2025	4	31-42		
199	Nghe - Nói B1.1	010171100111	25ĐHNA11	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G601	16:30	4	10/12/2025	1	1-10		
200	Nghe - Nói B1.1	010171100111	25ĐHNA11	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G602	16:30	4	10/12/2025	2	11-20		
201	Nghe - Nói B1.1	010171100111	25ĐHNA11	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G603	16:30	4	10/12/2025	3	21-30		
202	Nghe - Nói B1.1	010171100111	25ĐHNA11	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G604	16:30	4	10/12/2025	4	31-43		
203	Nghe - Nói B1.1	010171100118	25ĐHNA12	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G601	18:30	4	10/12/2025	1	1-11		
204	Nghe - Nói B1.1	010171100118	25ĐHNA12	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G602	18:30	4	10/12/2025	2	12-22		
205	Nghe - Nói B1.1	010171100118	25ĐHNA12	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G603	18:30	4	10/12/2025	3	23-33		
206	Nghe - Nói B1.1	010171100118	25ĐHNA12	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G604	18:30	4	10/12/2025	4	34-45		
207	Điện tử số	011100010101	24ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	50	G113	7:30	4	10/12/2025				
208	Điện tử số	011100010102	24ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	50	G204	7:30	4	10/12/2025				
209	Điện tử số	011100010103	24ĐHTĐ03	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	47	G203	7:30	4	10/12/2025				
210	Kỹ thuật nhiệt	011100064101	24ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	70	G203	12:30	4	10/12/2025	1	1-35		
211	Kỹ thuật nhiệt	011100064101	24ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	70	G204	12:30	4	10/12/2025	2	36-70		
212	Kỹ thuật nhiệt	011100064102	24ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	71	G207	12:30	4	10/12/2025	1	1-35		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
213	Kỹ thuật nhiệt	011100064102	24ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	71	G303	12:30	4	10/12/2025	2	36-71		
214	Kỹ thuật nhiệt	011100064103	24ĐHKT03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	70	G304	12:30	4	10/12/2025	1	1-35		
215	Kỹ thuật nhiệt	011100064103	24ĐHKT03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	70	G407	12:30	4	10/12/2025	2	36-70		
216	Phát triển ứng dụng IoT	011100157101	22ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	3	33	G404	9:30	4	10/12/2025				
217	Strength of Materials	011100184701	24ĐAKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	34	G113	12:30	4	10/12/2025				
218	Quản trị vận tải quốc tế	010100112601	23ĐHKVLQ1	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm (phiếu trả lời)	3	35	G304	12:30	5	11/12/2025				
219	Quản trị vận tải quốc tế	010100112602	23ĐHKVLQ2	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm (phiếu trả lời)	3	41	G205	12:30	5	11/12/2025				
220	Quản trị điểm đến du lịch	010100123301	23ĐHDL01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	56	G202	14:30	5	11/12/2025	1	1-28		
221	Quản trị điểm đến du lịch	010100123301	23ĐHDL01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	56	G301	14:30	5	11/12/2025	2	29-56		
222	Quản trị điểm đến du lịch	010100123302	23ĐHDL02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	56	G302	14:30	5	11/12/2025	1	1-28		
223	Quản trị điểm đến du lịch	010100123302	23ĐHDL02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	56	G113	14:30	5	11/12/2025	2	29-56		
224	Quản trị điểm đến du lịch	010100123303	23ĐHDL03	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	56	G203	14:30	5	11/12/2025	1	1-28		
225	Quản trị điểm đến du lịch	010100123303	23ĐHDL03	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	56	G204	14:30	5	11/12/2025	2	29-56		
226	Quản trị điểm đến du lịch	010100123304	23ĐHDL02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	65	G207	14:30	5	11/12/2025	1	1-32		
227	Quản trị điểm đến du lịch	010100123304	23ĐHDL02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	65	G303	14:30	5	11/12/2025	2	33-65		
228	Nghiệp vụ tổ chức sự kiện trong du lịch	010100141601	23ĐHDL01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	55	G202	9:30	5	11/12/2025	1	1-27		
229	Nghiệp vụ tổ chức sự kiện trong du lịch	010100141601	23ĐHDL01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	55	G203	9:30	5	11/12/2025	2	28-54		
230	Nghiệp vụ tổ chức sự kiện trong du lịch	010100141602	23ĐHDL02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	54	G113	9:30	5	11/12/2025	1	1-27		
231	Nghiệp vụ tổ chức sự kiện trong du lịch	010100141602	23ĐHDL02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	54	G204	9:30	5	11/12/2025	2	28-54		
232	Nghiệp vụ tổ chức sự kiện trong du lịch	010100141603	23ĐHDL03	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	54	G207	9:30	5	11/12/2025	1	1-27		
233	Nghiệp vụ tổ chức sự kiện trong du lịch	010100141603	23ĐHDL03	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	54	G301	9:30	5	11/12/2025	2	28-54		
234	Quản trị rủi ro và khủng hoảng an ninh hàng không	010100150001	23ĐHQTAN	Khoa Quản trị kinh doanh	Tiểu luận	3	23	G302	9:30	5	11/12/2025	1	1-13		
235	Quản trị rủi ro và khủng hoảng an ninh hàng không	010100150001	23ĐHQTAN	Khoa Quản trị kinh doanh	Tiểu luận	3	23	G201	12:30	5	11/12/2025	2	14-23		
236	Quản trị du lịch và lữ hành	010100150301	23ĐHQTVT1	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	70	G203	12:30	5	11/12/2025	1	1-35		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
237	Quản trị du lịch và lữ hành	010100150301	23ĐHQTVT1	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	70	G204	12:30	5	11/12/2025	2	36-70		
238	Quản trị du lịch và lữ hành	010100150302	23ĐHQTVT2	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	69	G207	12:30	5	11/12/2025	1	1-34		
239	Quản trị du lịch và lữ hành	010100150302	23ĐHQTVT2	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	69	G303	12:30	5	11/12/2025	2	35-69		
240	Chương trình an ninh hàng không dân dụng quốc gia	010100151501	23ĐHQTAN	Khoa Quản trị kinh doanh	Tiểu luận	3	50	G205	7:30	5	11/12/2025				
241	Đàm phán trong quản trị	010100151601	23ĐHQTTH1	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	34	G204	7:30	5	11/12/2025				
242	Đàm phán trong quản trị	010100151602	23ĐHQTTH2	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	36	G203	7:30	5	11/12/2025				
243	Đàm phán trong quản trị	010100151603	23ĐHQTKQ1	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	22	G202	7:30	5	11/12/2025				
244	Creativity and Innovation Management	010100153601	23ĐAQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	27	G113	12:30	5	11/12/2025				
245	International Air Transport Regulations	010100153901	23ĐAQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	24	G301	16:30	5	11/12/2025				
246	Airlines Management	010100154301	23ĐAQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	27	G301	7:30	5	11/12/2025				
247	Cân bằng trọng tải	010100158301	23ĐHKVKH	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	70	G207	7:30	5	11/12/2025	1	1-35		
248	Cân bằng trọng tải	010100158301	23ĐHKVKH	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	70	G303	7:30	5	11/12/2025	2	36-70		
249	Nghe - Nói B1.1	010171100112	25ĐHNA01; 25ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G601	7:30	5	11/12/2025	1	1-11		
250	Nghe - Nói B1.1	010171100112	25ĐHNA01; 25ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G602	7:30	5	11/12/2025	2	12-22		
251	Nghe - Nói B1.1	010171100112	25ĐHNA01; 25ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G603	7:30	5	11/12/2025	3	23-33		
252	Nghe - Nói B1.1	010171100112	25ĐHNA01; 25ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G604	7:30	5	11/12/2025	4	34-45		
253	Nghe - Nói B1.1	010171100113	25ĐHNA03; 25ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G601	9:30	5	11/12/2025	1	1-10		
254	Nghe - Nói B1.1	010171100113	25ĐHNA03; 25ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G602	9:30	5	11/12/2025	2	11-20		
255	Nghe - Nói B1.1	010171100113	25ĐHNA03; 25ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G603	9:30	5	11/12/2025	3	21-30		
256	Nghe - Nói B1.1	010171100113	25ĐHNA03; 25ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G604	9:30	5	11/12/2025	4	31-43		
257	Nghe - Nói B1.1	010171100114	25ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G601	12:30	5	11/12/2025	1	1-10		
258	Nghe - Nói B1.1	010171100114	25ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G602	12:30	5	11/12/2025	2	11-20		
259	Nghe - Nói B1.1	010171100114	25ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G603	12:30	5	11/12/2025	3	21-30		
260	Nghe - Nói B1.1	010171100114	25ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G604	12:30	5	11/12/2025	4	31-42		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
261	Nghe - Nói B1.1	010171100115	25ĐHNA07; 25ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	G601	14:30	5	11/12/2025	1	1-11		
262	Nghe - Nói B1.1	010171100115	25ĐHNA07; 25ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	G602	14:30	5	11/12/2025	2	12-22		
263	Nghe - Nói B1.1	010171100115	25ĐHNA07; 25ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	G603	14:30	5	11/12/2025	3	23-33		
264	Nghe - Nói B1.1	010171100115	25ĐHNA07; 25ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	G604	14:30	5	11/12/2025	4	34-44		
265	Nghe - Nói B1.1	010171100116	25ĐHNA09; 25ĐHNA10	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G601	16:30	5	11/12/2025	1	1-10		
266	Nghe - Nói B1.1	010171100116	25ĐHNA09; 25ĐHNA10	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G602	16:30	5	11/12/2025	2	11-20		
267	Nghe - Nói B1.1	010171100116	25ĐHNA09; 25ĐHNA10	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G603	16:30	5	11/12/2025	3	21-30		
268	Nghe - Nói B1.1	010171100116	25ĐHNA09; 25ĐHNA10	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G604	16:30	5	11/12/2025	4	31-41		
269	Nghe - Nói B1.1	010171100117	25ĐHNA11; 25ĐHNA12	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	46	G601	18:30	5	11/12/2025	1	1-11		
270	Nghe - Nói B1.1	010171100117	25ĐHNA11; 25ĐHNA12	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	46	G602	18:30	5	11/12/2025	2	12-22		
271	Nghe - Nói B1.1	010171100117	25ĐHNA11; 25ĐHNA12	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	46	G603	18:30	5	11/12/2025	3	23-33		
272	Nghe - Nói B1.1	010171100117	25ĐHNA11; 25ĐHNA12	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	46	G604	18:30	5	11/12/2025	4	34-46		
273	Kỹ thuật vi xử lý , Vi điều khiển	011100014701	24ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	55	G305	9:30	5	11/12/2025				
274	Kỹ thuật vi xử lý , Vi điều khiển	011100014702	24ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	53	G205	9:30	5	11/12/2025				
275	Kỹ thuật siêu cao tần	011100036801	21ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	32	G113	7:30	5	11/12/2025				
276	Cơ học bay 2	011100105903	23ĐHKT03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Báo cáo	3	60	G201	7:30	5	11/12/2025	1	1-30		
277	Cơ học bay 2	011100105903	23ĐHKT03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Báo cáo	3	60	G201	9:30	5	11/12/2025	2	31-60		
278	Quản trị hãng hàng không	010100013401	23ĐHQTVT1	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	75	G204	7:30	6	12/12/2025	1	1-37		
279	Quản trị hãng hàng không	010100013401	23ĐHQTVT1	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	75	G207	7:30	6	12/12/2025	2	38-75		
280	Quản trị hãng hàng không	010100013402	23ĐHQTVT2	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	76	G303	7:30	6	12/12/2025	1	1-38		
281	Quản trị hãng hàng không	010100013402	23ĐHQTVT2	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	76	G304	7:30	6	12/12/2025	2	39-76		
282	Quy tắc quốc tế về vận chuyển HK	010100018801	23ĐHQTVT1	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	63	G301	12:30	6	12/12/2025	1	1-31		
283	Quy tắc quốc tế về vận chuyển HK	010100018801	23ĐHQTVT1	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	63	G202	12:30	6	12/12/2025	2	32-63		
284	Quy tắc quốc tế về vận chuyển HK	010100018802	23ĐHQTVT2	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	65	G304	12:30	6	12/12/2025	1	1-32		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
285	Quy tắc quốc tế về vận chuyển HK	010100018802	23ĐHQTVT2	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	65	G303	12:30	6	12/12/2025	2	33-65		
286	Quy tắc quốc tế về vận chuyển HK	010100018803	23ĐHQTC1	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	69	G204	12:30	6	12/12/2025	1	1-34		
287	Quy tắc quốc tế về vận chuyển HK	010100018803	23ĐHQTC1	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	69	G203	12:30	6	12/12/2025	2	35-69		
288	Quy tắc quốc tế về vận chuyển HK	010100018804	23ĐHQTC2	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	68	G203	14:30	6	12/12/2025	1	1-34		
289	Quy tắc quốc tế về vận chuyển HK	010100018804	23ĐHQTC2	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	68	G207	14:30	6	12/12/2025	2	35-68		
290	Quy tắc quốc tế về vận chuyển HK	010100018805	23ĐHQTC3	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	62	G201	14:30	6	12/12/2025	1	1-31		
291	Quy tắc quốc tế về vận chuyển HK	010100018805	23ĐHQTC3	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	62	G204	14:30	6	12/12/2025	2	32-62		
292	Quy tắc quốc tế về vận chuyển HK	010100018806	23ĐHQTAN	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	57	G202	14:30	6	12/12/2025	1	1-28		
293	Quy tắc quốc tế về vận chuyển HK	010100018806	23ĐHQTAN	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	57	G301	14:30	6	12/12/2025	2	29-57		
294	Quản trị sản xuất và vận hành	010100112501	23ĐHKVLQ1	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	50	G205	12:30	6	12/12/2025				
295	Quản trị sản xuất và vận hành	010100112502	23ĐHKVLQ2	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	51	G406	12:30	6	12/12/2025				
296	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	010100123801	23ĐHDL01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	55	G205	7:30	6	12/12/2025				
297	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	010100123802	23ĐHDL02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	55	G305	7:30	6	12/12/2025				
298	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	010100123803	23ĐHDL03	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	55	G305	9:30	6	12/12/2025				
299	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	010100123804	23ĐHDL03	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	28	G301	9:30	6	12/12/2025				
300	Văn hóa ẩm thực	010100138901	23ĐHDL01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	41	G113	14:30	6	12/12/2025				
301	Văn hóa ẩm thực	010100138902	23ĐHDL02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	52	G205	14:30	6	12/12/2025				
302	Văn hóa ẩm thực	010100138903	23ĐHDL03	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	52	G305	14:30	6	12/12/2025				
303	Vận chuyển Hàng hoá bằng đường bộ và đường sắt	010100147701	23ĐHKVLĐ01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	59	G113	16:30	6	12/12/2025	1	1-29		
304	Vận chuyển Hàng hoá bằng đường bộ và đường sắt	010100147701	23ĐHKVLĐ01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	59	G201	16:30	6	12/12/2025	2	30-59		
305	Vận chuyển Hàng hoá bằng đường bộ và đường sắt	010100147702	23ĐHKVLĐ02	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	72	G203	16:30	6	12/12/2025	1	1-36		
306	Vận chuyển Hàng hoá bằng đường bộ và đường sắt	010100147702	23ĐHKVLĐ02	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	72	G204	16:30	6	12/12/2025	2	37-72		
307	Vận chuyển hàng hoá bằng đường hàng không	010100147901	23ĐHKVLĐ01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	70	G113	18:30	6	12/12/2025	1	1-35		
308	Vận chuyển hàng hoá bằng đường hàng không	010100147901	23ĐHKVLĐ01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	70	G203	18:30	6	12/12/2025	2	36-70		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
309	Vận chuyển hàng hoá bằng đường hàng không	010100147902	23ĐHKVLĐ02	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	60	G201	18:30	6	12/12/2025	1	1-30		
310	Vận chuyển hàng hoá bằng đường hàng không	010100147902	23ĐHKVLĐ02	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	60	G202	18:30	6	12/12/2025	2	31-60		
311	Quản trị thu mua toàn cầu	010100148401	23ĐHKVLĐ01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	39	G203	7:30	6	12/12/2025				
312	Quản trị thu mua toàn cầu	010100148402	23ĐHKVLĐ02	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	35	G113	7:30	6	12/12/2025				
313	Quản trị Hợp đồng	010100148701	23ĐHKVLQ1	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	48	G205	9:30	6	12/12/2025				
314	Quản trị Hợp đồng	010100148702	23ĐHKVLQ2	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	46	G204	9:30	6	12/12/2025				
315	Kiểm soát chất lượng an ninh hàng không	010100149601	23ĐHQTAN	Khoa Quản trị kinh doanh	Tiểu luận	3	23	G202	9:30	6	12/12/2025				
316	Ngữ âm thực hành	010171101301	25ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	G601	7:30	6	12/12/2025	1	1-11		
317	Ngữ âm thực hành	010171101301	25ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	G602	7:30	6	12/12/2025	2	12-22		
318	Ngữ âm thực hành	010171101301	25ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	G603	7:30	6	12/12/2025	3	23-33		
319	Ngữ âm thực hành	010171101301	25ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	G604	7:30	6	12/12/2025	4	34-44		
320	Ngữ âm thực hành	010171101302	25ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G601	9:30	6	12/12/2025	1	1-10		
321	Ngữ âm thực hành	010171101302	25ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G602	9:30	6	12/12/2025	2	11-20		
322	Ngữ âm thực hành	010171101302	25ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G603	9:30	6	12/12/2025	3	21-30		
323	Ngữ âm thực hành	010171101302	25ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G604	9:30	6	12/12/2025	4	31-43		
324	Ngữ âm thực hành	010171101303	25ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G601	12:30	6	12/12/2025	1	1-10		
325	Ngữ âm thực hành	010171101303	25ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G602	12:30	6	12/12/2025	2	11-20		
326	Ngữ âm thực hành	010171101303	25ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G603	12:30	6	12/12/2025	3	21-30		
327	Ngữ âm thực hành	010171101303	25ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G604	12:30	6	12/12/2025	4	31-40		
328	Ngữ âm thực hành	010171101304	25ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G601	14:30	6	12/12/2025	1	1-10		
329	Ngữ âm thực hành	010171101304	25ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G602	14:30	6	12/12/2025	2	11-20		
330	Ngữ âm thực hành	010171101304	25ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G603	14:30	6	12/12/2025	3	21-30		
331	Ngữ âm thực hành	010171101304	25ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G604	14:30	6	12/12/2025	4	31-41		
332	Ngữ âm thực hành	010171101305	25ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G601	16:30	6	12/12/2025	1	1-10		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
333	Ngữ âm thực hành	010171101305	25ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G602	16:30	6	12/12/2025	2	11-20		
334	Ngữ âm thực hành	010171101305	25ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G603	16:30	6	12/12/2025	3	21-30		
335	Ngữ âm thực hành	010171101305	25ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G604	16:30	6	12/12/2025	4	31-42		
336	Ngữ âm thực hành	010171101306	25ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G601	18:30	6	12/12/2025	1	1-10		
337	Ngữ âm thực hành	010171101306	25ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G602	18:30	6	12/12/2025	2	11-20		
338	Ngữ âm thực hành	010171101306	25ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G603	18:30	6	12/12/2025	3	21-30		
339	Ngữ âm thực hành	010171101306	25ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G604	18:30	6	12/12/2025	4	31-43		
340	Cơ học bay 2	011100105902	23ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Báo cáo	3	35	G201	7:30	6	12/12/2025	1	1-18		
341	Cơ học bay 2	011100105902	23ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Báo cáo	3	35	G201	9:30	6	12/12/2025	2	19-35		
342	Động cơ và lực đẩy	011100118001	23ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	60	G301	16:30	6	12/12/2025	1	1-30		
343	Động cơ và lực đẩy	011100118001	23ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	60	G302	16:30	6	12/12/2025	2	31-60		
344	Động cơ và lực đẩy	011100118002	23ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	23	G202	16:30	6	12/12/2025				
345	Động cơ và lực đẩy	011100118003	23ĐHKT03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	59	G207	16:30	6	12/12/2025	1	1-29		
346	Động cơ và lực đẩy	011100118003	23ĐHKT03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	59	G303	16:30	6	12/12/2025	2	30-59		
347	Truyền số liệu và mạng máy tính	011100140001	24ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	42	G113	9:30	6	12/12/2025				
348	Truyền số liệu và mạng máy tính	011100140002	24ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	50	G203	9:30	6	12/12/2025				
349	Thủ tục hải quan	010100148201	23ĐHKVLQ1	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	58	G202	9:30	7	13/12/2025	1	1-29		
350	Thủ tục hải quan	010100148201	23ĐHKVLQ1	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	58	G301	9:30	7	13/12/2025	2	30-58		
351	Thủ tục hải quan	010100148202	23ĐHKVLQ2	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	60	G204	9:30	7	13/12/2025	1	1-30		
352	Thủ tục hải quan	010100148202	23ĐHKVLQ2	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	60	G302	9:30	7	13/12/2025	2	31-60		
353	Thủ tục hải quan	010100148203	23ĐHKVLD01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	59	G303	9:30	7	13/12/2025	1	1-29		
354	Thủ tục hải quan	010100148203	23ĐHKVLD01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	59	G304	9:30	7	13/12/2025	2	30-59		
355	Thủ tục hải quan	010100148204	23ĐHKVLD02	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	32	G203	9:30	7	13/12/2025				
356	Tổ chức hệ thống đảm bảo an ninh hàng không	010100150501	23ĐHQTAN	Khoa Quản trị kinh doanh	Vấn đáp	3	24	G307	9:30	7	13/12/2025	1	1-12		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
357	Tổ chức hệ thống đảm bảo an ninh hàng không	010100150501	23ĐHQTAN	Khoa Quản trị kinh doanh	Vấn đáp	3	24	G307	12:30	7	13/12/2025	2	13-24		
358	Kinh doanh quốc tế	010100150701	24ĐHQTTH	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm (phiếu trả lời)	3	24	G201	16:30	7	13/12/2025				
359	Kinh doanh quốc tế	010100150702	24ĐHQTKQ1	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm (phiếu trả lời)	3	54	G202	16:30	7	13/12/2025	1	1-27		
360	Kinh doanh quốc tế	010100150702	24ĐHQTKQ1	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm (phiếu trả lời)	3	54	G204	16:30	7	13/12/2025	2	28-54		
361	Kinh doanh quốc tế	010100150703	24ĐHQTKQ2	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm (phiếu trả lời)	3	55	G301	16:30	7	13/12/2025	1	1-27		
362	Kinh doanh quốc tế	010100150703	24ĐHQTKQ2	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm (phiếu trả lời)	3	55	G302	16:30	7	13/12/2025	2	28-55		
363	Quản trị đội tàu bay hãng hàng không	010100158101	23ĐHKVKH	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	69	G113	12:30	7	13/12/2025	1	1-34		
364	Quản trị đội tàu bay hãng hàng không	010100158101	23ĐHKVKH	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	69	G203	12:30	7	13/12/2025	2	35-69		
365	Quản trị doanh thu hãng hàng không	010100158201	23ĐHKVKH	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	45	G204	14:30	7	13/12/2025				
366	Quản trị doanh thu hãng hàng không	010100158202	23ĐHQTC1	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	69	G203	14:30	7	13/12/2025	1	1-34		
367	Quản trị doanh thu hãng hàng không	010100158202	23ĐHQTC1	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	69	G303	14:30	7	13/12/2025	2	35-69		
368	Quản trị doanh thu hãng hàng không	010100158203	23ĐHQTC2	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	35	G113	14:30	7	13/12/2025				
369	Quản trị doanh thu hãng hàng không	010100158204	23ĐHQTC3	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	55	G201	14:30	7	13/12/2025	1	1-27		
370	Quản trị doanh thu hãng hàng không	010100158204	23ĐHQTC3	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	55	G202	14:30	7	13/12/2025	2	28-55		
371	Pháp luật hành chính, dân sự và hình sự	010131133001	24ĐHQTAN	Khoa Quản trị kinh doanh	Tiểu luận	3	25	G113	9:30	7	13/12/2025				
372	Ngữ âm thực hành	010171101307	25ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G601	7:30	7	13/12/2025	1	1-10		
373	Ngữ âm thực hành	010171101307	25ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G602	7:30	7	13/12/2025	2	11-20		
374	Ngữ âm thực hành	010171101307	25ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G603	7:30	7	13/12/2025	3	21-30		
375	Ngữ âm thực hành	010171101307	25ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G604	7:30	7	13/12/2025	4	31-42		
376	Ngữ âm thực hành	010171101308	25ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G601	9:30	7	13/12/2025	1	1-10		
377	Ngữ âm thực hành	010171101308	25ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G602	9:30	7	13/12/2025	2	11-20		
378	Ngữ âm thực hành	010171101308	25ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G603	9:30	7	13/12/2025	3	21-30		
379	Ngữ âm thực hành	010171101308	25ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G604	9:30	7	13/12/2025	4	31-42		
380	Ngữ âm thực hành	010171101309	25ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	G601	12:30	7	13/12/2025	1	1-11		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
381	Ngữ âm thực hành	010171101309	25ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	G602	12:30	7	13/12/2025	2	12-22		
382	Ngữ âm thực hành	010171101309	25ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	G603	12:30	7	13/12/2025	3	23-33		
383	Ngữ âm thực hành	010171101309	25ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	G604	12:30	7	13/12/2025	4	34-44		
384	Ngữ âm thực hành	010171101310	25ĐHNA10	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G601	14:30	7	13/12/2025	1	1-10		
385	Ngữ âm thực hành	010171101310	25ĐHNA10	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G602	14:30	7	13/12/2025	2	11-20		
386	Ngữ âm thực hành	010171101310	25ĐHNA10	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G603	14:30	7	13/12/2025	3	21-30		
387	Ngữ âm thực hành	010171101310	25ĐHNA10	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G604	14:30	7	13/12/2025	4	31-41		
388	Ngữ âm thực hành	010171101311	25ĐHNA11	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G601	16:30	7	13/12/2025	1	1-10		
389	Ngữ âm thực hành	010171101311	25ĐHNA11	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G602	16:30	7	13/12/2025	2	11-20		
390	Ngữ âm thực hành	010171101311	25ĐHNA11	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G603	16:30	7	13/12/2025	3	21-30		
391	Ngữ âm thực hành	010171101311	25ĐHNA11	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G604	16:30	7	13/12/2025	4	31-42		
392	Ngữ âm thực hành	010171101312	25ĐHNA01; 25ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G601	18:30	7	13/12/2025	1	1-11		
393	Ngữ âm thực hành	010171101312	25ĐHNA01; 25ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G602	18:30	7	13/12/2025	2	12-22		
394	Ngữ âm thực hành	010171101312	25ĐHNA01; 25ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G603	18:30	7	13/12/2025	3	23-33		
395	Ngữ âm thực hành	010171101312	25ĐHNA01; 25ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G604	18:30	7	13/12/2025	4	34-45		
396	Quy tắc quốc tế về vận chuyển HK	011100018801	22ĐHKL01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	76	G113	16:30	7	13/12/2025	1	1-38		
397	Quy tắc quốc tế về vận chuyển HK	011100018801	22ĐHKL01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	76	G203	16:30	7	13/12/2025	2	39-76		
398	Cơ học bay 2	011100105901	23ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Báo cáo	3	53	G201	7:30	7	13/12/2025	1	1-26		
399	Cơ học bay 2	011100105901	23ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Báo cáo	3	53	G201	9:30	7	13/12/2025	2	27-53		
400	Thiết kế tàu bay	011100117701	22ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Báo cáo	3	49	G113	18:30	7	13/12/2025				
401	Thiết kế tàu bay	011100117702	22ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Báo cáo	3	30	G201	18:30	7	13/12/2025				
402	Yếu tố con người và An toàn	011100117801	23ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	60	G201	12:30	7	13/12/2025	1	1-30		
403	Yếu tố con người và An toàn	011100117801	23ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	60	G202	12:30	7	13/12/2025	2	31-60		
404	Yếu tố con người và An toàn	011100117802	23ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	60	G301	12:30	7	13/12/2025	1	1-30		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
405	Yếu tố con người và An toàn	011100117802	23ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	60	G302	12:30	7	13/12/2025	2	31-60		
406	Yếu tố con người và An toàn	011100117803	23ĐHKT03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	50	G204	12:30	7	13/12/2025				
407	Đồ án môn học 2 QLHDB	011100135601	22ĐHKL02	Khoa Khai thác hàng không	Viết báo cáo	2	30	D31	7:30	7	13/12/2025	1	1-10		
408	Đồ án môn học 2 QLHDB	011100135601	22ĐHKL02	Khoa Khai thác hàng không	Viết báo cáo	2	30	D31	9:30	7	13/12/2025	2	11-20		
409	Đồ án môn học 2 QLHDB	011100135601	22ĐHKL02	Khoa Khai thác hàng không	Viết báo cáo	2	30	D31	12:30	7	13/12/2025	3	21-30		
410	English for Aircraft	011100191101	24ĐAKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Báo cáo	3	34	G113	7:30	7	13/12/2025				
411	Ngữ âm thực hành	010171101313	25ĐHNA03; 25ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G601	7:30	8	14/12/2025	1	1-10		
412	Ngữ âm thực hành	010171101313	25ĐHNA03; 25ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G602	7:30	8	14/12/2025	2	11-20		
413	Ngữ âm thực hành	010171101313	25ĐHNA03; 25ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G603	7:30	8	14/12/2025	3	21-30		
414	Ngữ âm thực hành	010171101313	25ĐHNA03; 25ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G604	7:30	8	14/12/2025	4	31-43		
415	Ngữ âm thực hành	010171101314	25ĐHNA05; 25ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G601	9:30	8	14/12/2025	1	1-10		
416	Ngữ âm thực hành	010171101314	25ĐHNA05; 25ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G602	9:30	8	14/12/2025	2	11-20		
417	Ngữ âm thực hành	010171101314	25ĐHNA05; 25ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G603	9:30	8	14/12/2025	3	21-30		
418	Ngữ âm thực hành	010171101314	25ĐHNA05; 25ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G604	9:30	8	14/12/2025	4	31-41		
419	Ngữ âm thực hành	010171101315	25ĐHNA07; 25ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G601	12:30	8	14/12/2025	1	1-10		
420	Ngữ âm thực hành	010171101315	25ĐHNA07; 25ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G602	12:30	8	14/12/2025	2	11-20		
421	Ngữ âm thực hành	010171101315	25ĐHNA07; 25ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G603	12:30	8	14/12/2025	3	21-30		
422	Ngữ âm thực hành	010171101315	25ĐHNA07; 25ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G604	12:30	8	14/12/2025	4	31-42		
423	Ngữ âm thực hành	010171101316	25ĐHNA09; 25ĐHNA10	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G601	14:30	8	14/12/2025	1	1-10		
424	Ngữ âm thực hành	010171101316	25ĐHNA09; 25ĐHNA10	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G602	14:30	8	14/12/2025	2	11-20		
425	Ngữ âm thực hành	010171101316	25ĐHNA09; 25ĐHNA10	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G603	14:30	8	14/12/2025	3	21-30		
426	Ngữ âm thực hành	010171101316	25ĐHNA09; 25ĐHNA10	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G604	14:30	8	14/12/2025	4	31-43		
427	Ngữ âm thực hành	010171101317	25ĐHNA11; 25ĐHNA12	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	G601	16:30	8	14/12/2025	1	1-11		
428	Ngữ âm thực hành	010171101317	25ĐHNA11; 25ĐHNA12	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	G602	16:30	8	14/12/2025	2	12-22		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
429	Ngữ âm thực hành	010171101317	25ĐHNA11; 25ĐHNA12	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	G603	16:30	8	14/12/2025	3	23-33		
430	Ngữ âm thực hành	010171101317	25ĐHNA11; 25ĐHNA12	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	G604	16:30	8	14/12/2025	4	34-44		
431	Ngữ âm thực hành	010171101318	25ĐHNA12	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G601	18:30	8	14/12/2025	1	1-10		
432	Ngữ âm thực hành	010171101318	25ĐHNA12	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G602	18:30	8	14/12/2025	2	11-20		
433	Ngữ âm thực hành	010171101318	25ĐHNA12	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G603	18:30	8	14/12/2025	3	21-30		
434	Ngữ âm thực hành	010171101318	25ĐHNA12	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G604	18:30	8	14/12/2025	4	31-43		
435	Nghe - Nói 4	010100092507	24ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G601	7:30	2	15/12/2025	1	1-11		
436	Nghe - Nói 4	010100092507	24ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G602	7:30	2	15/12/2025	2	12-22		
437	Nghe - Nói 4	010100092507	24ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G603	7:30	2	15/12/2025	3	23-33		
438	Nghe - Nói 4	010100092507	24ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G604	7:30	2	15/12/2025	4	34-45		
439	Nghe - Nói 4	010100092508	24ĐHNAHK3	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G601	9:30	2	15/12/2025	1	1-11		
440	Nghe - Nói 4	010100092508	24ĐHNAHK3	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G602	9:30	2	15/12/2025	2	12-22		
441	Nghe - Nói 4	010100092508	24ĐHNAHK3	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G603	9:30	2	15/12/2025	3	23-33		
442	Nghe - Nói 4	010100092508	24ĐHNAHK3	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G604	9:30	2	15/12/2025	4	34-45		
443	Nghe - Nói 4	010100092509	24ĐHNAHK4	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	46	G601	12:30	2	15/12/2025	1	1-11		
444	Nghe - Nói 4	010100092509	24ĐHNAHK4	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	46	G602	12:30	2	15/12/2025	2	12-22		
445	Nghe - Nói 4	010100092509	24ĐHNAHK4	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	46	G603	12:30	2	15/12/2025	3	23-33		
446	Nghe - Nói 4	010100092509	24ĐHNAHK4	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	46	G604	12:30	2	15/12/2025	4	34-46		
447	Nghe - Nói 4	010100092510	24ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	G601	14:30	2	15/12/2025	1	1-11		
448	Nghe - Nói 4	010100092510	24ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	G602	14:30	2	15/12/2025	2	12-22		
449	Nghe - Nói 4	010100092510	24ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	G603	14:30	2	15/12/2025	3	23-33		
450	Nghe - Nói 4	010100092510	24ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	G604	14:30	2	15/12/2025	4	34-44		
451	Nghe - Nói 4	010100092511	24ĐHNAHK3	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G601	16:30	2	15/12/2025	1	1-11		
452	Nghe - Nói 4	010100092511	24ĐHNAHK3	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G602	16:30	2	15/12/2025	2	12-22		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
453	Nghe - Nói 4	010100092511	24ĐHNAHK3	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G603	16:30	2	15/12/2025	3	23-33		
454	Nghe - Nói 4	010100092511	24ĐHNAHK3	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	G604	16:30	2	15/12/2025	4	34-45		
455	Hệ thống giám sát phụ thuộc ADSB	011100054401	23ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	3	60	G404	9:30	2	15/12/2025				
456	Hệ thống dẫn đường toàn cầu (GNSS)	011100028001	23ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	3	38	G404	16:30	3	16/12/2025				
457	Hệ thống thông tin hàng không	011100073001	23ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	3	41	G404	9:30	3	16/12/2025				
458	Đồ án học phần 2 (TĐH HK)	011100089601	23ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	3	42	G401	12:30	3	16/12/2025	1	1-21		
459	Đồ án học phần 2 (TĐH HK)	011100089601	23ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	3	42	G403	12:30	3	16/12/2025	2	22-42		
460	Đồ án học phần 2 (TĐH HK)	011100089602	23ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	3	34	G404	12:30	3	16/12/2025	1	1-17		
461	Đồ án học phần 2 (TĐH HK)	011100089602	23ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	3	34	G405	12:30	3	16/12/2025	2	18-34		
462	Thực tập doanh nghiệp TĐH	011100091501	22ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	5	51	G403	16:30	3	16/12/2025	1	1-17		
463	Thực tập doanh nghiệp TĐH	011100091501	22ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	5	51	G405	16:30	3	16/12/2025	2	18-34		
464	Thực tập doanh nghiệp TĐH	011100091501	22ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	5	51	G401	16:30	3	16/12/2025	3	35-51		
465	Đồ án tốt nghiệp TĐH	011100091601	22ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	9	37	G401	7:30	3	16/12/2025	1	1-9		
466	Đồ án tốt nghiệp TĐH	011100091601	22ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	9	37	G403	7:30	3	16/12/2025	2	10-18		
467	Đồ án tốt nghiệp TĐH	011100091601	22ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	9	37	G404	7:30	3	16/12/2025	3	19-27		
468	Đồ án tốt nghiệp TĐH	011100091601	22ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	9	37	G405	7:30	3	16/12/2025	4	28-37		
469	Tiểu luận tốt nghiệp ĐTVT	011100166001	21ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	5	17	G401	7:30	4	17/12/2025	1			
470	Tiểu luận tốt nghiệp ĐTVT	011100166001	21ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	5	17	G403	7:30	4	17/12/2025	2			
471	Đồ án tốt nghiệp - ĐTVT	011100194501	22ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	9	18	G404	7:30	4	17/12/2025	1	1-9		
472	Đồ án tốt nghiệp - ĐTVT	011100194501	22ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	9	18	G405	7:30	4	17/12/2025	2	10-18		
473	Thực tập tốt nghiệp ngành xây dựng	011100130501	22ĐHXD01	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	4	20	G201	7:30	7	20/12/2025	1	1-10		
474	Thực tập tốt nghiệp ngành xây dựng	011100130501	22ĐHXD01	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	4	20	G201	9:30	7	20/12/2025	2	11-20		
475	Đồ án môn học 2 QLHDB	011100135602	22ĐHKL02	Khoa Khai thác hàng không	Viết báo cáo	2	14	D31	7:30	7	20/12/2025	1	1-7		
476	Đồ án môn học 2 QLHDB	011100135602	22ĐHKL02	Khoa Khai thác hàng không	Viết báo cáo	2	14	D31	9:30	7	20/12/2025	2	8-14		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
477	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	011100012402	23ĐHTĐ02	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	2	44	G201	7:30	2	22/12/2025	1	1-22		
478	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	011100012402	23ĐHTĐ02	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	2	44	G201	9:30	2	22/12/2025	2	23-44		
479	An toàn sản đồ	011100060401	22ĐHKT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	51	G113	7:30	2	22/12/2025	1	1-25		
480	An toàn sản đồ	011100060401	22ĐHKT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	51	G202	7:30	2	22/12/2025	2	26-51		
481	An toàn sản đồ	011100060402	22ĐHKT02	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	50	G113	9:30	2	22/12/2025	1	1-25		
482	An toàn sản đồ	011100060402	22ĐHKT02	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	50	G202	9:30	2	22/12/2025	2	26-50		
483	Nhập môn nghiên cứu khoa học	011110007607	25ĐHKL01	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	3	55	G307	12:30	2	22/12/2025	1	1-27		
484	Nhập môn nghiên cứu khoa học	011110007607	25ĐHKL01	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	3	55	G307	14:30	2	22/12/2025	2	28-55		
485	Cơ sở văn hóa Việt Nam	010172110101	25ĐHLH01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	63	G201	7:30	3	23/12/2025	1	1-31		
486	Cơ sở văn hóa Việt Nam	010172110101	25ĐHLH01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	63	G207	7:30	3	23/12/2025	2	32-63		
487	Cơ sở văn hóa Việt Nam	010172110102	25ĐHLH02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	64	G304	7:30	3	23/12/2025	1	1-32		
488	Cơ sở văn hóa Việt Nam	010172110102	25ĐHLH02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	64	G307	7:30	3	23/12/2025	2	33-64		
489	Cơ sở văn hóa Việt Nam	010172110103	25ĐHLH03	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	61	G301	7:30	3	23/12/2025	1	1-30		
490	Cơ sở văn hóa Việt Nam	010172110103	25ĐHLH03	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	61	G113	7:30	3	23/12/2025	2	31-61		
491	Cơ sở văn hóa Việt Nam	010172110104	25ĐHLH04	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	63	G204	7:30	3	23/12/2025	1	1-31		
492	Cơ sở văn hóa Việt Nam	010172110104	25ĐHLH04	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	63	G203	7:30	3	23/12/2025	2	32-63		
493	Cơ sở văn hóa Việt Nam	010172110105	25ĐHKN01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	66	G504	7:30	3	23/12/2025	1	1-33		
494	Cơ sở văn hóa Việt Nam	010172110105	25ĐHKN01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	66	G406	7:30	3	23/12/2025	2	34-66		
495	Cơ sở văn hóa Việt Nam	010172110106	25ĐHKN02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	63	G505	9:30	3	23/12/2025	1	1-31		
496	Cơ sở văn hóa Việt Nam	010172110106	25ĐHKN02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	63	G307	9:30	3	23/12/2025	2	32-63		
497	Cơ sở văn hóa Việt Nam	010172110107	25ĐHKN03	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	61	G303	9:30	3	23/12/2025	1	1-30		
498	Cơ sở văn hóa Việt Nam	010172110107	25ĐHKN03	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	61	G304	9:30	3	23/12/2025	2	31-61		
499	Cơ sở văn hóa Việt Nam	010172110108	25ĐHTM01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	59	G204	9:30	3	23/12/2025	1	1-29		
500	Cơ sở văn hóa Việt Nam	010172110108	25ĐHTM01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	59	G203	9:30	3	23/12/2025	2	30-59		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
501	Cơ sở văn hóa Việt Nam	010172110109	25ĐHTM02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	60	G601	9:30	3	23/12/2025	1	1-30		
502	Cơ sở văn hóa Việt Nam	010172110109	25ĐHTM02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	60	G302	9:30	3	23/12/2025	2	31-60		
503	Cơ sở văn hóa Việt Nam	010172110110	25ĐHTM03	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	63	G504	9:30	3	23/12/2025	1	1-31		
504	Cơ sở văn hóa Việt Nam	010172110110	25ĐHTM03	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	63	G503	9:30	3	23/12/2025	2	32-63		
505	Cơ sở văn hóa Việt Nam	010172110111	25ĐHTM04	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	56	G201	9:30	3	23/12/2025	1	1-28		
506	Cơ sở văn hóa Việt Nam	010172110111	25ĐHTM04	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	56	G301	9:30	3	23/12/2025	2	29-56		
507	Địa lý vận tải	010173202201	25ĐHKV01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	64	G503	7:30	3	23/12/2025	1	1-32		
508	Địa lý vận tải	010173202201	25ĐHKV01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	64	G505	7:30	3	23/12/2025	2	33-64		
509	Địa lý vận tải	010173202202	25ĐHKV02	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	69	G305	7:30	3	23/12/2025	1	1-34		
510	Địa lý vận tải	010173202202	25ĐHKV02	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	69	G205	7:30	3	23/12/2025	2	35-69		
511	Địa lý vận tải	010173202203	25ĐHKV03	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	63	G302	7:30	3	23/12/2025	1	1-31		
512	Địa lý vận tải	010173202203	25ĐHKV03	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	63	G303	7:30	3	23/12/2025	2	32-63		
513	Địa lý vận tải	010173202204	25ĐHKV04	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	50	G603	9:30	3	23/12/2025	1	1-25		
514	Địa lý vận tải	010173202204	25ĐHKV04	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	50	G604	9:30	3	23/12/2025	2	26-50		
515	Địa lý vận tải	010173202205	25ĐHKH01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	72	G207	9:30	3	23/12/2025	1	1-36		
516	Địa lý vận tải	010173202205	25ĐHKH01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	72	G305	9:30	3	23/12/2025	2	37-72		
517	Địa lý vận tải	010173202206	25ĐHKH02	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	72	G205	9:30	3	23/12/2025	1	1-36		
518	Địa lý vận tải	010173202206	25ĐHKH02	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	72	G406	9:30	3	23/12/2025	2	37-72		
519	Transport Geography	010173290201	25ĐALO01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	37	G113	9:30	3	23/12/2025				
520	Nhập môn nghiên cứu khoa học	011110007606	25ĐHUV01	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	3	71	G601	7:30	3	23/12/2025	1	1-35		
521	Nhập môn nghiên cứu khoa học	011110007606	25ĐHUV01	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	3	71	G605	9:30	3	23/12/2025	2	36-71		
522	Nhập môn nghiên cứu khoa học	011110007608	25ĐHKL02	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	3	55	G201	16:30	3	23/12/2025	1	1-27		
523	Nhập môn nghiên cứu khoa học	011110007608	25ĐHKL02	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	3	55	G201	18:30	3	23/12/2025	2	28-55		
524	Nhập môn nghiên cứu khoa học	011110007609	25ĐHKL03	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	3	56	G201	12:30	3	23/12/2025	1	1-28		

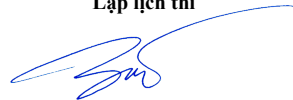
STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
525	Nhập môn nghiên cứu khoa học	011110007609	25ĐHKL03	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	3	56	G201	14:30	3	23/12/2025	2	29-56		
526	Nhập môn nghiên cứu khoa học	011110007611	25ĐHKT03	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	3	44	G604	7:30	3	23/12/2025	1	1-22		
527	Nhập môn nghiên cứu khoa học	011110007611	25ĐHKT03	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	3	44	H001	9:30	3	23/12/2025	2	23-44		
528	Tổng quan du lịch	010172110201	25ĐHLH01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	62	G204	7:30	4	24/12/2025	1	1-31		
529	Tổng quan du lịch	010172110201	25ĐHLH01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	62	G302	7:30	4	24/12/2025	2	32-62		
530	Tổng quan du lịch	010172110202	25ĐHLH02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	64	G113	7:30	4	24/12/2025	1	1-32		
531	Tổng quan du lịch	010172110202	25ĐHLH02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	64	G407	7:30	4	24/12/2025	2	33-64		
532	Tổng quan du lịch	010172110203	25ĐHLH03	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	63	G301	7:30	4	24/12/2025	1	1-31		
533	Tổng quan du lịch	010172110203	25ĐHLH03	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	63	G207	7:30	4	24/12/2025	2	32-63		
534	Tổng quan du lịch	010172110204	25ĐHLH04	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	62	G201	7:30	4	24/12/2025	1	1-31		
535	Tổng quan du lịch	010172110204	25ĐHLH04	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	62	G303	7:30	4	24/12/2025	2	32-62		
536	Tổng quan du lịch	010172110205	25ĐHKN01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	64	G304	7:30	4	24/12/2025	1	1-32		
537	Tổng quan du lịch	010172110205	25ĐHKN01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	64	G308	7:30	4	24/12/2025	2	33-64		
538	Tổng quan du lịch	010172110206	25ĐHKN02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	61	G503	9:30	4	24/12/2025	1	1-30		
539	Tổng quan du lịch	010172110206	25ĐHKN02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	61	G504	9:30	4	24/12/2025	2	31-61		
540	Tổng quan du lịch	010172110207	25ĐHKN03	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	60	G308	9:30	4	24/12/2025	1	1-30		
541	Tổng quan du lịch	010172110207	25ĐHKN03	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	60	G407	9:30	4	24/12/2025	2	31-60		
542	Tổng quan du lịch	010172110208	25ĐHTM01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	59	G204	9:30	4	24/12/2025	1	1-29		
543	Tổng quan du lịch	010172110208	25ĐHTM01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	59	G303	9:30	4	24/12/2025	2	30-59		
544	Tổng quan du lịch	010172110209	25ĐHTM02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	60	G207	9:30	4	24/12/2025	1	1-30		
545	Tổng quan du lịch	010172110209	25ĐHTM02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	60	G304	9:30	4	24/12/2025	2	31-60		
546	Tổng quan du lịch	010172110210	25ĐHTM03	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	59	G301	9:30	4	24/12/2025	1	1-29		
547	Tổng quan du lịch	010172110210	25ĐHTM03	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	59	G302	9:30	4	24/12/2025	2	30-59		
548	Tổng quan du lịch	010172110211	25ĐHTM04	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	57	G201	9:30	4	24/12/2025	1	1-28		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
549	Tổng quan du lịch	010172110211	25ĐHTM04	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	57	G113	9:30	4	24/12/2025	2	29-57		
550	Nhập môn nghiên cứu khoa học	011110007602	25ĐHKT01	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	3	55	G504	7:30	4	24/12/2025	1	1-27		
551	Nhập môn nghiên cứu khoa học	011110007602	25ĐHKT01	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	3	55	G505	9:30	4	24/12/2025	2	28-55		
552	Nhập môn nghiên cứu khoa học	011110007610	25ĐHKL04	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	3	48	G503	7:30	4	24/12/2025	1	1-24		
553	Nhập môn nghiên cứu khoa học	011110007610	25ĐHKL04	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	3	48	G601	9:30	4	24/12/2025	2	25-48		
554	Thực tập doanh nghiệp - ĐTVT	011100035601	22ĐHDT01	Khoa Điện - Điện tử	Tiểu luận	5	67	G404	7:30	5	25/12/2025				
555	Nhập môn nghiên cứu khoa học	011110007601	25ĐHXD01	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	3	65	G113	7:30	5	25/12/2025	1	1-32		
556	Nhập môn nghiên cứu khoa học	011110007601	25ĐHXD01	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	3	65	G113	9:30	5	25/12/2025	2	33-65		
557	Nhập môn nghiên cứu khoa học	011110007604	25ĐHBT01	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	3	63	G202	12:30	5	25/12/2025	1	1-31		
558	Nhập môn nghiên cứu khoa học	011110007604	25ĐHBT01	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	3	63	G202	14:30	5	25/12/2025	2	32-63		
559	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	011100012401	23ĐHTĐ01	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	2	42	G307	7:30	6	26/12/2025	1	1-21		
560	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	011100012401	23ĐHTĐ01	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	2	42	G307	9:30	6	26/12/2025	2	22-42		
561	Thực tập nhận thức nghề nghiệp	011152101601	25ĐHQK01	Khoa Xây dựng	Báo cáo	2	56	G305	7:30	7	27/12/2025	1	1-28		
562	Thực tập nhận thức nghề nghiệp	011152101601	25ĐHQK01	Khoa Xây dựng	Báo cáo	2	56	G305	9:30	7	27/12/2025	2	29-56		
563	Thực tập nhận thức nghề nghiệp	011152101602	25ĐHQK02	Khoa Xây dựng	Báo cáo	2	57	G305	12:30	7	27/12/2025	1	1-28		
564	Thực tập nhận thức nghề nghiệp	011152101602	25ĐHQK02	Khoa Xây dựng	Báo cáo	2	57	G305	14:30	7	27/12/2025	2	29-57		
565	Đồ án tốt nghiệp (XD)	011100125801	22ĐHXD01	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	6	20	G201	7:30	7	28/02/2026	1	1-10		
566	Đồ án tốt nghiệp (XD)	011100125801	22ĐHXD01	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	6	20	G201	7:30	8	01/03/2026	2	11-20		
567	Thực tập nghề nghiệp QTKD	010100096801	22ĐHQTC2	Khoa Quản trị kinh doanh	Báo cáo	4	9								Theo kế hoạch của khoa
568	Thực tập doanh nghiệp (Graduation Internship) NNA	010100122601	23ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	3	12								Theo kế hoạch của khoa
569	Thực tập doanh nghiệp (Graduation Internship) NNA	010100122602	23ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	3	10								Theo kế hoạch của khoa
570	Thực tập doanh nghiệp (Graduation Internship) NNA	010100122603	23ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	3	11								Theo kế hoạch của khoa
571	Thực tập doanh nghiệp (Graduation Internship) NNA	010100122604	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	3	10								Theo kế hoạch của khoa
572	Thực tập doanh nghiệp (Graduation Internship) NNA	010100122605	23ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	3	9								Theo kế hoạch của khoa

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
573	Thực tập doanh nghiệp (Graduation Internship) NNA	010100122606	23ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	3	12								Theo kế hoạch của khoa
574	Thực tập doanh nghiệp (Graduation Internship) NNA	010100122607	23ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	3	10								Theo kế hoạch của khoa
575	Thực tập doanh nghiệp (Graduation Internship) NNA	010100122608	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	3	10								Theo kế hoạch của khoa
576	Thực tập doanh nghiệp (Graduation Internship) NNA	010100122609	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	3	10								Theo kế hoạch của khoa
577	Thực tập doanh nghiệp (Graduation Internship) NNA	010100122610	23ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	3	10								Theo kế hoạch của khoa
578	Thực tập doanh nghiệp (Graduation Internship) NNA	010100122611	23ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	3	10								Theo kế hoạch của khoa
579	Thực tập doanh nghiệp (Graduation Internship) NNA	010100122612	23ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	3	10								Theo kế hoạch của khoa
580	Thực tập doanh nghiệp (Graduation Internship) NNA	010100122613	23ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	3	11								Theo kế hoạch của khoa
581	Thực tập doanh nghiệp (Graduation Internship) NNA	010100122614	23ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	3	12								Theo kế hoạch của khoa
582	Thực tập doanh nghiệp (Graduation Internship) NNA	010100122615	23ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	3	12								Theo kế hoạch của khoa
583	Thực tập doanh nghiệp (Graduation Internship) NNA	010100122616	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	3	9								Theo kế hoạch của khoa
584	Thực tập doanh nghiệp (Graduation Internship) NNA	010100122617	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	3	11								Theo kế hoạch của khoa
585	Thực tập doanh nghiệp (Graduation Internship) NNA	010100122618	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	3	12								Theo kế hoạch của khoa
586	Thực tập doanh nghiệp (Graduation Internship) NNA	010100122619	23ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	3	9								Theo kế hoạch của khoa
587	Thực tập doanh nghiệp (Graduation Internship) NNA	010100122620	23ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	3	11								Theo kế hoạch của khoa
588	Thực tập doanh nghiệp (Graduation Internship) NNA	010100122621	23ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	3	10								Theo kế hoạch của khoa
589	Thực tập doanh nghiệp (Graduation Internship) NNA	010100122622	23ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	3	10								Theo kế hoạch của khoa
590	Thực tập doanh nghiệp (Graduation Internship) NNA	010100122623	23ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	3	11								Theo kế hoạch của khoa
591	Thực tập doanh nghiệp (Graduation Internship) NNA	010100122624	23ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	3	9								Theo kế hoạch của khoa
592	Thực tập doanh nghiệp (Graduation Internship) NNA	010100122625	23ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	3	11								Theo kế hoạch của khoa
593	Thực tập doanh nghiệp (Graduation Internship) NNA	010100122626	23ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	3	11								Theo kế hoạch của khoa
594	Thực tập doanh nghiệp (Graduation Internship) NNA	010100122627	23ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	3	9								Theo kế hoạch của khoa
595	Thực tập doanh nghiệp (Graduation Internship) NNA	010100122628	23ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	3	10								Theo kế hoạch của khoa
596	Thực tập doanh nghiệp (Graduation Internship) NNA	010100122629	23ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	3	10								Theo kế hoạch của khoa

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
597	Thực tập doanh nghiệp (Graduation Internship) NNA	010100122630	23ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	3	9								Theo kế hoạch của khoa
598	Thực tập doanh nghiệp (Graduation Internship) NNA	010100122631	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	3	11								Theo kế hoạch của khoa
599	Thực tập doanh nghiệp (Graduation Internship) NNA	010100122632	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	3	8								Theo kế hoạch của khoa
600	Thực hành nghề nghiệp du lịch 2	010100124001	23ĐHDL01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Thực hành	4	36								Theo kế hoạch của khoa
601	Thực hành nghề nghiệp du lịch 2	010100124002	23ĐHDL02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Thực hành	4	37								Theo kế hoạch của khoa
602	Thực hành nghề nghiệp du lịch 2	010100124003	23ĐHDL03	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Thực hành	4	39								Theo kế hoạch của khoa
603	Thực hành nghề nghiệp du lịch 2	010100124004	23ĐHDL03	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Thực hành	4	37								Theo kế hoạch của khoa
604	Hành vi khách hàng	010100151701	23ĐHQTTTH2	Khoa Quản trị kinh doanh	Tiểu luận	3	59								Theo kế hoạch của khoa
605	Hành vi khách hàng	010100151701	23ĐHQTTTH2	Khoa Quản trị kinh doanh	Tiểu luận	3	59								Theo kế hoạch của khoa
606	Thực tập tốt nghiệp QTNL	010100170201	22ĐHNL01	Khoa Quản trị kinh doanh	Báo cáo	4	5								Theo kế hoạch của khoa
607	Thực tập tốt nghiệp Kỹ thuật HK	010800067101	21ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Thực hành	5	3								Theo kế hoạch của khoa
608	Thực tập doanh nghiệp QLHDB	011100007801	22ĐHKL01	Khoa Khai thác hàng không	Thực hành	5	58								Theo kế hoạch của khoa
609	Thực tập doanh nghiệp QLHDB	011100007802	22ĐHKL02	Khoa Khai thác hàng không	Thực hành	5	40								Theo kế hoạch của khoa
610	Đồ án tốt nghiệp KTHK	011100074101	22ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tiểu luận	6	4								Theo kế hoạch của khoa
611	Thực tập tốt nghiệp Kỹ thuật HK	011100193601	22ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Thực hành	3	42								Theo kế hoạch của khoa
612	Thực tập tốt nghiệp Kỹ thuật HK	011100193602	22ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Thực hành	3	39								Theo kế hoạch của khoa
613	Nhập môn nghiên cứu khoa học	011110007603	25ĐHKT02	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	3	56								Theo kế hoạch của khoa
614	Nhập môn nghiên cứu khoa học	011110007605	25ĐAKT01	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	3	49								Theo kế hoạch của khoa
615	Hình họa và vẽ kỹ thuật trong xây dựng	011152103101	25ĐHXD01	Khoa Xây dựng	Báo cáo	3	65								Theo kế hoạch của khoa
616	Hình họa và vẽ kỹ thuật trong xây dựng	011152103102	25ĐHQK01	Khoa Xây dựng	Báo cáo	3	54								Theo kế hoạch của khoa
617	Hình họa và vẽ kỹ thuật trong xây dựng	011152103103	25ĐHQK02	Khoa Xây dựng	Báo cáo	3	57								Theo kế hoạch của khoa

Lập lịch thi



Dương Gia Bảo

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO



TS. Trần Thiện Lưu